người không làm việc, nhưng không đi tìm việc hoặc không sẵn sàng làm việc trong thời kỳ quan sát.

who were neither working nor seeking employment or those who were not available for work during the reference period.

BIỂU (TABLE) 3.23:

PHÂN BỐ PHẦN TRĂM DÂN SỐ 15 TUỔI TRỞ LÊN KHÔNG HOẠT ĐỘNG KINH TẾ THEO CÁC ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN, 2008

PERCENTAGE DISTRIBUTION OF ECONOMICALLY INACTIVE POPULATION AGED 15 AND OVER BY BASIC CHARACTERISTICS, 2008

	Tỷ trọng Proportion			Nữ Female (%)
	Chung Total	Nam Male	Nữ Female	
I. Nhóm tuổi - Age group				
Tổng số - Total	**100,0**	**100,0**	**100,0**	**61,1**
15-17	26,6	34,1	21,9	50,2
18-19	8,6	10,9	7,2	50,7
20-24	7,9	8,8	7,4	56,9
25-29	2,9	1,7	3,7	77,2
30-34	2,1	0,8	2,9	84,4
35-39	2,2	0,9	3,0	84,7
40-44	2,2	1,1	3,0	81,6
45-49	2,8	1,7	3,5	76,9
50-54	4,3	3,2	5,1	71,3
55-59	5,3	4,3	5,9	68,4
60+	35,1	32,7	36,6	63,7
II. Lý do không làm việc - Reasons for not working				
Tổng số - Total	**100,0**	**100,0**	**100,0**	**61,1**
1. Không muốn đi làm Don't want to work	19,1	21,6	17,6	56,0
2. Đang đi học In school/student	39,0	50,8	31,5	49,3
3. Nội trợ Homemaker	17,1	1,8	26,8	95,8
4. Mất KNLĐ Disabled	14,9	15,7	14,4	59,0
5. Khác Other	9,9	10,0	9,8	60,4

PDF compression, OCR, web optimization using a watermarked evaluation copy of CVISION PDFCompressor